TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 296/2026/HNGĐ - ST.
Ngày: 13 - 8 - 2026.
"V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hòa.

Bà Trần Thị Thanh Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ông Thị Cành Nha – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 493/2026/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2026 về "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 700/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà La Thị Ngọc D, sinh ngày 01/01/1994; căn cước công dân số: 094194009393; địa chỉ: ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2. Bị đơn Ông Kim Hoài P, sinh ngày 12/6/1996; căn cước công dân số: 094096001759; địa chỉ: ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 10/6/2026 và tại phiên tòa nguyên đơn bà La Thị Ngọc D trình bày: Vào năm 2014, bà D và ông P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Cần Thơ vào ngày 15/6/2015. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống có nhiều áp lực về tinh thần nên bà D và ông P đã ly thân từ tháng 7 năm 2016 cho đến nay. Trong quá trình chung sống bà D và ông P có 01 con chung là cháu Kim Hoài P1, sinh ngày 30/5/2015, hiện cháu P1 đang sống cùng với bà D. Bà La Thị Ngọc D và ông Kim Hoài P không có tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà La Thị Ngọc D yêu cầu ly hôn với ông Kim Hoài P; về con chung bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến đủ 18 tuổi, bà D không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn ông Kim Hoài P: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông P, nhưng ông P không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông P để tham gia tố tụng tại phiên hòa giải nhưng ông P vẫn vắng mặt nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Bị đơn ông Kim Hoài P đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Kim Hoài P chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy tình trạng của vợ chồng bà La Thị Ngọc D và ông Kim Hoài P đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D; về con chung giao cháu Kim Hoài P1, sinh ngày 30/5/2015 cho bà D đến khi con chung đủ 18 tuổi; ông P không cấp dưỡng cho con chung. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông P mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 10/6/2026 và tại phiên tòa nguyên đơn bà La Thị Ngọc D trình bày: Bà D và ông Kim Hoài P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 89, ngày 15/6/2015. Bà La Thị Ngọc D yêu cầu ly hôn với ông Kim Hoài P; về con chung bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến đủ 18 tuổi, bà D không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Trong vụ án, bị đơn ông Kim Hoài P hiện đang cư trú tại ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Tại phiên tòa, bị đơn ông Kim Hoài P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng không lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông P.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà La Thị Ngọc D và ông Kim Hoài P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã T, thành phố Cần Thơ) theo giấy chứng nhận kết hôn số: 89/2015, quyển số: 01/2025, ngày 15/6/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông P là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bà D có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà D, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian chung sống ông, bà luôn xảy ra bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên vợ chồng thường cãi vã qua lại, từ đó cuộc sống vợ chồng có nhiều áp lực về tinh thần nên bà D và ông P đã không còn chung sống từ tháng 7 năm 2016 cho đến nay, sau khi không chung sống với nhau thì bà D và ông P không gặp nhau, cũng như không cho nhau cơ hội để hàn gắn tình cảm. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để động viên vợ chồng bà D và ông P đoàn tụ với nhau nhưng ông P vẫn vắng mặt và bà D vẫn kiên quyết ly hôn với ông P vì tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, tình trạng của vợ chồng bà D và ông P đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của bà D là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông P. Vì vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của bà D là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông P.

[5]. Về con chung: Bà La Thị Ngọc D xác định trong thời gian chung sống, bà D và ông Kim Hoài P có 01 (một) người con chung tên Kim Hoài P1, sinh ngày 30/5/2015, hiện con chung đang sống chung với bà D; bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P1 đến khi cháu P1 đủ 18 tuổi. Xét thấy, từ khi bà D và ông P không sống chung với nhau cho đến nay cháu P1 do bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu P1 có nguyện vọng sống chung với bà D. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Ngoài ra, căn cứ vào Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Kim Hoài P mà không ai được cản trở.

[6]. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà La Thị Ngọc D không yêu cầu cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về tài sản chung: Bà La Thị Ngọc D xác định không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8]. Về nợ chung: Bà La Thị Ngọc D xác định trong thời gian chung sống bà D và ông Kim Hoài P không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9]. Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bà La Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Kim Hoài P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà La Thị Ngọc D.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà La Thị Ngọc D được ly hôn với ông Kim Hoài P.

1.2. Về con chung: Giao cháu Kim Hoài P1, sinh ngày 30/5/2015 cho bà La Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu P1 đủ 18 tuổi.

Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Kim Hoài P mà không ai được cản trở.

1.3. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà La Thị Ngọc D không yêu cầu cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

1.4. Về tài sản chung: Bà La Thị Ngọc D xác định không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

1.5. Về nợ chung: Bà La Thị Ngọc D xác định trong thời gian chung sống bà D và ông Kim Hoài P không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà La Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012441 ngày 18/6/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ; như vậy, bà La Thị Ngọc D đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm. Ông Kim Hoài P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 9 – Cần Thơ;
- UBND xã Tài Văn;
- TAND Thành phố Cần Thơ (P. Giám đốc, Kiểm tra, Thanh tra và THA);
- THADS Thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Ánh